



**Công ty cổ phần đầu tư
Việt Việt Nhật**
Số: 10/2019/CV-CBTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Mã chứng khoán: VNH

Trụ sở chính: Lô A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Q. Bình Tân, TP HCM .

Điện thoại: 083.7652475

Fax: 083.7653275

Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tuyết Lan

Địa chỉ: Lô A59/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Q. Bình Tân, TP HCM .

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 083.7652475

Fax: 083.7653275

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2018 của công ty Việt Việt Nhật.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo thường niên năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin

Cao Tuyết Lan

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Ngày 03 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302207804
- Vốn điều lệ: 86.800.000.000 đồng (*Tám mươi sáu tỷ tám trăm triệu*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.230.710.000 đồng (*Tám mươi tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm mười ngàn đồng.*)
- Trụ sở : Lô A59/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0283.7652465
- Website: www.vietnhat.com.
- Mã cổ phiếu: VNH.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Năm 2002 công ty TNHH Thủy Hải Sản Việt Việt Nhật thành lập bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh xuất khẩu với nhà xưởng 3.500m² và 02 dây chuyền sản xuất. Sản phẩm chủ yếu của Công ty trong giai đoạn này là bạch tuộc. Các mặt hàng xuất khẩu chỉ ở dạng nguyên liệu đã qua sơ chế.
- Năm 2007, Việt Nhật mở rộng chế biến nhiều loại thủy sản như tôm, mực, cá, ghẹ, nghêu... và cũng chuyển dần sang sản xuất các sản phẩm đã chế biến, có giá trị gia tăng cao hơn. Hiện nay, Việt Nhật đã có danh mục sản phẩm chế biến lên tới gần 100 mặt hàng để phục vụ cho thị trường xuất khẩu.
- Tháng 05 năm 2007, để phát triển hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao công tác quản lý và sản xuất, Việt Nhật tiến hành đăng ký chuyển đổi hình thức kinh doanh từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 25 tỷ đồng. Sau đó, Công ty huy động thêm vốn từ các cổ đông, đổi tên mới là Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật và đăng ký vốn điều lệ là 86.8 tỷ đồng.
- Ngày 08 tháng 04 năm 2010, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật (Việt Nhật) chính

thức niêm yết 8.023.071 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) theo quyết định niêm yết số 62/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 04 năm 2010 với một số thông tin như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
 - Mã chứng khoán: VNH
 - Mã ISIN: VN000000VNH8
 - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
 - Số lượng cổ phiếu: 8.023.071 cổ phiếu (Tám triệu không trăm hai mươi ba nghìn không trăm bảy mươi một cổ phiếu)
 - Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 80.230.710.000 đồng (Tám mươi tỷ hai trăm ba mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng).
- Ngày 22 tháng 06 năm 2010, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật chính thức góp vốn vào hoạt động Công ty TNHH Một Thành Viên Đồ Hộp Phú Nhật:
- Trụ sở chính: Ấp 10, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1100790106 Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 01 năm 2010.
 - Vốn điều lệ : 50 tỷ đồng
 - Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất thực phẩm đóng hộp.
 - + Kinh doanh thực phẩm đóng hộp.
 - + Sản xuất chế biến thủy hải sản và thực phẩm.
 - + Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu.
 - + Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.
- Ngày 01 tháng 11 năm 2013 Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật đã thông qua Đại hội cổ đông bất thường, thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc Công ty Thủy hải sản Việt Nhật thoái vốn khỏi Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật.
- Ngày 06 tháng 06 năm 2017 Công ty Cổ phần Thủy hải Sản Việt Nhật đổi thành công ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 10 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

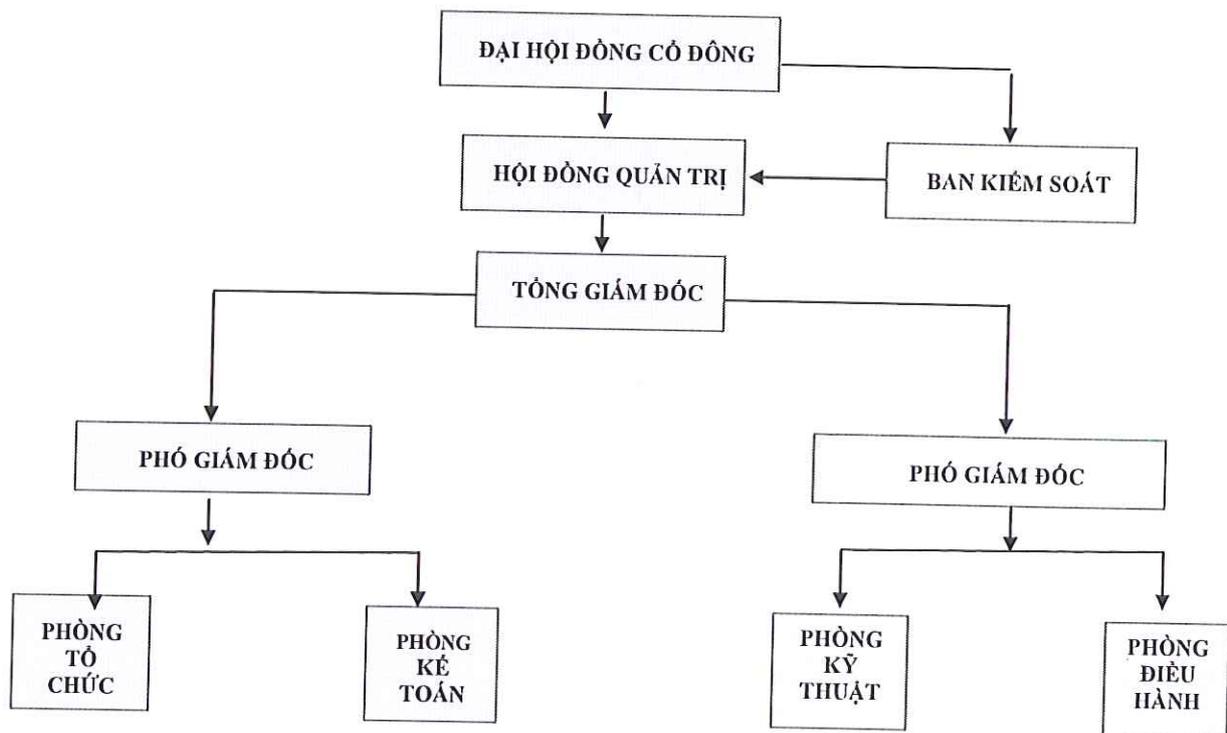
Các lĩnh vực kinh doanh được cấp *phép* của Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Việt Nhật tại địa chỉ kinh doanh: Lô A59/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam bao gồm:

- Sản xuất hàng hóa thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
 - Sản xuất hàng hóa nông - lâm sản;
 - Sản xuất, mua bán bao bì (không in, tráng bao bì kim loại tại trụ sở);
 - Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
 - Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Bán buôn thực phẩm.
- **Địa bàn kinh doanh:** Địa bàn kinh doanh là trong và ngoài nước.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- **Mô hình quản trị Công ty gồm:** Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý.**



5. Định hướng phát triển

– **Mục tiêu và chiến lược phát triển Công ty:** Kinh doanh có lợi, bảo toàn phát triển vốn đầu tư tại Công ty và các doanh nghiệp khác, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập cho người lao động.

6. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Tích cực tham gia công tác xã hội, hỗ trợ cộng đồng. Nâng cao nhận thức của nhân viên cũng như tình nguyện tham gia các phong trào kết nối và hỗ trợ cộng đồng cùng phát triển.
- Cải thiện môi trường làm việc, tuân thủ các hoạt động thuộc hệ thống an toàn sức khỏe môi trường cho người lao động.
- Tuân thủ nguyên tắc an toàn vệ sinh môi trường trong công tác sản xuất. Cũng như các yêu cầu cần thiết theo hệ thống ISO của thế giới.
- Luôn tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất.

II. Các rủi ro: Mỗi thành công cũng như thất bại, mỗi khó khăn, thử thách trải qua trong năm 2018 đúc kết thành bài học kinh nghiệm quý báu giúp Công ty ngăn ngừa mọi rủi ro trong tương lai:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động sẵn có sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cải thiện trình độ cũng như nâng cao tay nghề cho người lao động để đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng cao. Không để tình trạng chảy máu chất xám và nguồn nhân lực tốt của Công ty.
- Tìm hiểu kỹ thị trường, khách hàng xuất khẩu nhất là đối với thị trường, khách hàng mới.

III. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm
Doanh thu thuần	1,907,118,000	20,990,331,607	19,083,213,607
Lợi nhuận sau thuế	(12,272,886,398)	(1,262,052,983)	(11,010,833,415)

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018: 20,990,331,607 đồng so với năm 2017: 1,907,118,000 đồng, tăng 19,083,213,607 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018: (1,262,052,983) đồng, so với năm 2017: (12,272,886,398) đồng, giảm 11,010,833,415 đồng.

Doanh thu, lợi nhuận tăng so với cùng kỳ là do Công ty giải quyết được nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

3.1.1. Hội đồng quản trị.

a. Chủ tịch hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Sơn
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 001060000191; cấp ngày: 06/02/2013; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Anh- Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2011 đến nay: Chủ tịch Công ty CP đầu giá Đại Nam.
 - + Từ 2016 đến nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Số cổ phần nắm giữ: 453.220 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Huỳnh Thị Tuyết Trinh
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 351834337; cấp ngày: 27/04/2004; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 02/08/1987
- Nơi sinh: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Ấp Mỹ An 1, Mỹ Hòa Hưng, Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963601221
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2009 đến 2015: nhân viên Công ty Cổ phần NTACO
 - + Từ 2015 đến T05/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần NTACO
 - + Từ T05/2018 đến nay: Tổng giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Việt Việt Nhật.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Cao Tuyết Lan
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011920576; cấp ngày: 14/05/2008; Nơi cấp: Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/1977

- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 615 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai bà trung, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2001 đến 2004: Trưởng phòng Trung tâm tâm đào tạo tin học PT
 - + Từ 2004 đến 2012: Phó giám đốc phụ trách đào tạo Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp và công nghệ HTL.
 - + Từ 2012 đến nay: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP đấu giá Đại Nam tại Hà Nội.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ Phần NTACO.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

d. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trịnh Quốc Vân
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 001075007714, cấp ngày 08/12/2005, tại Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú DLQG về dân cư.
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/10/1975
- Nơi sinh: Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 19 Phường Đức Giang, Q. Long Biên, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 2001 đến 2006: Nhân viên môi giới CTCK Ngân hàng Công Thương
 - + 2006 - tháng 04 đến 2007: Phó phòng môi giới CTCK Ngân hàng Công Thương
 - + T8/2007 - T5/2009: Phó tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Đại Nam
 - + T5/2009 - T11/2011: Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Đại Nam
 - + T11/2011 - T3/2012: Q. Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Đại Nam
 - + T3/2012 - T02/2014: Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Đại Nam
 - + T03/2014 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Đại Nam
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành Viên Hội Đồng Quản trị Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình, Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Đại Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

3.1.2. Ban Giám đốc

- a. Họ và tên: Huỳnh Thị Tuyết Trinh
 - Giới tính: Nữ
 - Số CMND: 351834337; cấp ngày: 27/04/2004; Nơi cấp: An Giang
 - Ngày, tháng, năm sinh: 02/08/1987
 - Nơi sinh: An Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh

- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Ấp Mỹ An 1, Mỹ Hòa Hưng, Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963601221
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2009 đến 2015: nhân viên Công ty Cổ phần NTACO
 - + Từ 2015 đến T05/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần NTACO
 - + Từ T05/2017 đến nay: Tổng giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Việt Việt Nhật.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Đức Huy

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012999489; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 14/04/1991
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:



- + Từ 2015 đến T05/2016: Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Ntaco
- + Từ T06/2016 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Phó Tổng Giám đốc: Tô Hiếu Thuận

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 022104666; cấp ngày: 09/06/2015; Nơi cấp: thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày, tháng, năm sinh: 13/08/1971
- Nơi sinh: Quận nhì, Sài Gòn.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú: Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/12/2000 – 31/10/2003: Nhân viên tư vấn P.Công ty chứng khoán - chi nhánh TP. HCM
 - + Từ 01/11/2003 - 31/01/2007: Trưởng phòng kinh doanh Công ty chứng khoán NH Công Thương - Chi nhánh TP. HCM
 - + Từ 01/02/2007- 28/02/2009: Phó giám đốc Công ty chứng khoán NH Công Thương - Chi nhánh TP. HCM
 - + Từ 01/03/2009 đến 01/03/2010: Tổng giám đốc Công ty cổ phần ĐT - KD Vàng Toàn cầu - GGB
 - + Từ 01/03/2010 đến 01/06/2013: Giám đốc Công ty TNHH Thiên Thiên Lộc - chi nhánh TP HCM



- + Từ 01/07/2013 đến 06/2014: Phó giám đốc Công ty CP cao su An Lợi
- + Từ 01/07/2015 đến 03/2015: Phó giám đốc Công ty cổ phần XM Sài Gòn
- + Từ 01/04/2015 đến 12/2015: Giám đốc khối tư vấn Công ty cổ phần chứng khoán Dầu Khí
- + Từ 02/01/2016 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát và Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á.
- Số cổ phần nắm giữ: không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

3.1.3. Ban kiểm soát

a. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Trần Xuân Trường
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012370818 ; cấp ngày: 05/11/2009 ; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/02/1967
- Nơi sinh: Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Trung tâm thương mại và nhà ở, 379/8 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học hóa công nghệ
- Quá trình công tác:
 - + 1990 - 1994: Kỹ sư hóa Viện nghiên cứu Bảo hộ lao động, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.
 - + 1994 - 1999: Phòng kinh doanh Liên minh các hợp tác xã Việt Nam.
 - + 1999 - 2013: Giám đốc chi nhánh Hà Nội Công ty Đầu tư và thương mại quốc tế - Thương mại công nghiệp Việt Nam.
 - + 2013- nay: Phó giám đốc Công ty TNHH KD Việt Nam.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty TNHH KD Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: Tô Hiếu Thuận
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 0221046666; cấp ngày: 09/06/2015; Nơi cấp: thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày, tháng, năm sinh: 13/08/1971
- Nơi sinh: Quận nhì, Sài Gòn.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú: Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- Số điện thoại liên lạc: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:

+ Từ 01/12/2000 – 31/10/2003: Nhân viên tư vấn P.Công ty chứng khoán - chi nhánh TP. HCM

+ Từ 01/11/2003 - 31/01/2007: Trưởng phòng kinh doanh Công ty chứng khoán NH Công Thương - Chi nhánh TP. HCM

+ Từ 01/02/2007- 28/02/2009: Phó giám đốc Công ty chứng khoán NH Công Thương - Chi nhánh TP. HCM

+ Từ 01/03/2009 đến 01/03/2010: Tổng giám đốc Công ty cổ phần ĐT - KD Vàng Toàn cầu - GGB

+ Từ 01/03/2010 đến 01/06/2013: Giám đốc Công ty TNHH Thiên Thiên Lộc - chi nhánh TP HCM

+ Từ 01/07/2013 đến 06/2014: Phó giám đốc Công ty CP cao su An Lợi

+ Từ 01/07/2015 đến 03/2015: Phó giám đốc Công ty cổ phần XM Sài Gòn

+ Từ 01/04/2015 đến 12/2015: Giám đốc khối tư vấn Công ty cổ phần chứng khoán Dầu Khí

+ Từ 02/01/2016 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát và Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á.
- Số cổ phần nắm giữ: không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: Đỗ Thái Hưng
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012122093; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư.
- Ngày, tháng, năm sinh: 08/10/1981
- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 8/188 Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ khoa học
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2006 - 2007: Nhân viên Công ty Philipps, CHLBĐ.
 - + Từ T05/2007 - 11/2007: Giảng viên Đại học Quốc Tế, ĐH Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.
 - + Từ 2008 - 2012: Cán bộ dự án nghiên cứu Light Instiute.
 - + 2013 -2014: Phó phòng nghiên cứu sản phẩm mới Ctep Bóng đèn phích nước Rạng Đông.
 - + 2016- nay: Giám đốc phân tích và tư vấn CTCP Chứng Khoán Đại Nam.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:Giám đốc phân tích và tư vấn CTCP Chứng Khoán Đại Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

3.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm, Công ty có sự thay đổi Ban điều hành như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Tô Hiếu Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 05/07/2018
2	Lý Vĩ Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm 02/05/2018
3	Lý Vĩ Phát	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 07/05/2018

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 7 người, cơ cấu lao động như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Thạc sỹ	02	28.57%
	Đại học	04	57.14%
	Cao đẳng, trung cấp	01	14.29%
	Tổng cộng	7	100,00%

3.2. Chính sách đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới sáng thứ bảy, nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát

b. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp

3. Tình hình đầu tư vào Công ty liên kết: không có

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 80.230.710 cổ phiếu.
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ và tên	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
-----	-----------	---------------	-------	---------

1	Nguyễn Thanh Sơn	453.220	5.22%	Chủ tịch HĐQT
2	Cổ đông khác	79.777.490	94.78%	
Tổng cộng		80.230.710	100%	

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) **Các chứng khoán khác:** Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Trong năm 2018 công ty đã khắc phục được một số khoản nợ, nợ thuế và đang dần tạo công việc, lợi nhuận cho năm 2019..

Khoản mục	Kế hoạch 2018	Kết quả 2018	So với kế hoạch
Doanh thu thuần	120,000,000,000	20,990,331,607	17,49%
Lợi nhuận	12,000,000,000	(1,262,052,983)	(10,52%)

Doanh thu tăng nhưng lợi nhuận chưa đạt được theo chỉ tiêu đề ra .

2. Tình hình tài chính

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	507,044,797	339,676,964	(33.01)%
Tài sản dài hạn	0	2,837,132,039	100%
Nợ ngắn hạn	4,740,326,116	8,672,143,305	82,94%
Nợ dài hạn	-	-	-

Kết quả trên cho thấy tình hình tài sản Công ty trong năm qua biến động giảm mạnh, tài sản ngắn hạn giảm (33.01)%, tài sản dài tăng 100%. Nợ ngắn hạn tăng 82,94%.

4.3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty đã đi vào ổn định, riêng với chính sách cho người lao động Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, trợ cấp, lương thưởng và các phúc lợi khác...

4.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Đang triển khai đầu tư lại nguồn vốn và cơ cấu nhà máy để tạo động lực cho phát triển sản xuất năm 2019.

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó đề ra các quyết định phù hợp để chỉ đạo Ban Giám Đốc thực hiện kế hoạch đề ra của Hội Đồng Quản Trị năm 2019.

5. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ Tịch HĐQT	453.220	0.56%
2	Trịnh Quốc Vân	Thành viên HĐQT	0	0.00%
3	Cao Tuyết Lan	Thành viên HĐQT	0	0.00%
4	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Thành viên HĐQT	0	0.00%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/BB-HĐQT/VNH	01/02/2018	Biên bản họp HĐQT về việc trích lập dự phòng đối khoản phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2017 của khách hàng OCEANICA GROUP INTERNATIONAL COMPANY LIMITED
2	01/2018/NQ – HĐQT/VNH	01/02/2018	Nghị quyết về việc trích lập dự phòng đối khoản phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2017 của khách hàng OCEANICA GROUP INTERNATIONAL COMPANY LIMITED
3	02/2018/ BB-HĐQT/VNH	26/03/2018	Biên bản họp HĐQT về việc chốt danh sách ngày đăng ký cuối cùng họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

4	02/2018/NQ – HĐQT/VNH	26/03/2018	Nghị quyết về việc chốt danh sách ngày đăng ký cuối cùng họp ĐHCĐ thường niên năm 2018
5	02A/2018/BB-HĐQT/VNH	17/04/2018	Biên bản về việc thuê xưởng của Công ty cổ phần Ntaco
6	02A/2018/NQ-HĐQT/VNH	17/04/2018	Nghị quyết về việc thuê xưởng của Công ty cổ phần Ntaco
7	04/2018/BB-HĐQT/VNH	10/05/2018	Biên bản HĐQT v/v hoàn nhập lập dự phòng khoản công nợ phải thu đến ngày 31/12/2017 của khách hàng OCEANICA GROUP INTERNATIONAL COMPANY LIMITED
8	05/2018/NQ-HĐQT/VNH	10/05/2018	Nghị quyết về việc không trích lập dự phòng khoản công nợ phải thu đến ngày 31/12/2017 của khách hàng OCEANICA GROUP INTERNATIONAL COMPANY LIMITED
9	01/2018/BB-ĐHCĐ-VNH	15/05/2018	Biên bản họp ĐHCĐ thường niên 2018
10	02/2018/NQ-ĐHCĐ -VNH	15/05/2018	Nghị Quyết HĐQT V/v chốt danh sách cổ đông họp ĐHCĐ thường niên 2017
11	07/2018/BB-HĐQT/VNH	04/10/2018	Biên bản HĐQT v/v chọn Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018
12	07/2018/NQ-HĐQT/VNH	04/10/2018	Nghị quyết HĐQT v/v chọn Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC năm

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Trần Xuân Trường	Trưởng Ban KS	0	0.00%
2	Tô Hiếu Thuận	Thành viên BKS	0	0.00%
3	Đỗ Thái Hưng	Thành viên BKS	0	0.00%

hoạt động Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2018, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

6. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật (sau đây gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật - tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0302207804 ngày 10 tháng 05 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302207804 ngày 10 tháng 05 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã mười lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 86.800.000.000 đồng tương đương 8.680.000 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là VNH theo Quyết định số 62/QĐ-SGDHCM của. Tại ngày 23 tháng 03 năm 2017, Công ty đã chính thức bị hủy niêm yết trên thị trường chứng khoán theo Quyết định số 48/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Sau đó, Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho đăng ký giao dịch từ ngày 24 tháng 03 năm 2017 với mã chứng khoán VNH.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch	27/03/2017	-
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch	10/05/2007	27/03/2017
Bà Trần Thị Xuân Đào	Thành viên	14/08/2013	28/02/2017
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	14/08/2013	04/03/2017
Ông Hồ Minh Kha	Thành viên	14/08/2013	02/03/2017
Ông Trần Công Thơ	Thành viên	14/08/2013	02/03/2017
Ông Trịnh Quốc Vân	Thành viên	27/03/2017	-
Bà Cao Tuyết Lan	Thành viên	27/03/2017	-
Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Thành viên	27/03/2017	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Tổng Giám đốc	16/05/2017	-
Ông Trần Quang Minh	Tổng Giám đốc	01/01/2015	25/04/2017
Ông Tô Hiếu Thuận	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2017	-
Ông Nguyễn Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2017	-

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Quốc tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Việt Nam

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.



Ông NGUYỄN THANH SƠN

Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019



030220
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT
Q. BÌNH TÂN - T. P. HỒ CHÍ MINH



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 388/BCKT-TC/AVA-HCMC.03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 01 năm 2019 từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

7804-C
TY
AN
U
NHAT
O CHIN

51
NG
HE
TC
101
T
U

221
NG
PI
AU
HE
T.T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		339.676.964	507.044.797
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.138.824	24.814.797
1. Tiền	111		10.138.824	24.814.797
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		329.538.140	482.230.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.645.402.650	11.645.402.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		77.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	563.346.019	793.037.879
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(11.956.210.529)	(11.956.210.529)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.837.132.039	-
I. Tài sản cố định	220		2.837.132.039	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	2.837.132.039	-
- Nguyên giá	222		2.972.486.091	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.354.052)	-
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.176.809.003	507.044.797

H
H
G
M
H
H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.672.143.305	4.740.326.116
I. Nợ ngắn hạn	310		8.672.143.305	4.740.326.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6	2.880.696.762	2.152.746.462
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.7	528.840.050	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	501.083.913	699.865.493
4. Phải trả người lao động	314	V.9	1.210.517.000	220.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	3.677.419	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.247.328.161	1.667.714.161
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	300.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(5.495.334.302)	(4.233.281.319)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	(5.495.334.302)	(4.233.281.319)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.608.854.848	1.608.854.848
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(87.334.899.150)	(86.072.846.167)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(86.072.846.167)	(73.799.959.769)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.262.052.983)	(12.272.886.398)
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.176.809.003	507.044.797

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng



TRẦN MINH TRỌNG



Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		20.990.331.607	1.907.118.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	20.990.331.607	1.907.118.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	20.926.967.610	4.134.862.044
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		63.363.997	(2.227.744.044)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.279.292	42.679
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.677.419	59.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.677.419	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.404.362.943	12.400.121.043
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		(1.329.397.073)	(14.627.881.984)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	127.344.090	2.440.640.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	60.000.000	85.644.414
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		67.344.090	2.354.995.586
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.262.052.983)	(12.272.886.398)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.262.052.983)	(12.272.886.398)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(157)	(1.530)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng



TRẦN MINH TRỌNG

Hội đồng quản trị



NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

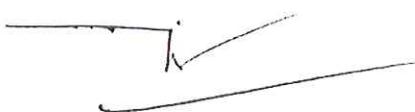
MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	MẪU SỐ B 03-DN	
		Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.262.052.983)	(12.272.886.398)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	135.354.052	-
- Các khoản dự phòng	03	-	8.783.310.998
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.279.292)	(42.679)
- Chi phí lãi vay	06	15.677.419	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.138.300.804)	(3.489.618.079)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	152.691.860	1.720.480.048
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	5.724.183.304
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	3.628.139.770	(3.966.735.896)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	1.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.630.530.826	(10.690.623)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.972.486.091)	-
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.279.292	42.679
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.945.206.799)	42.679
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	300.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	300.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(14.675.973)	(10.647.944)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.814.797	35.462.741
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	10.138.824	24.814.797

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng



TRẦN MINH TRỌNG



Chủ tịch Hội đồng quản trị


 NGUYỄN THANH SƠN

 H
 T
 C
 N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật - Tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0302207804 ngày 10 tháng 05 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302207804 ngày 10 tháng 05 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã mười lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 86.800.000.000 đồng tương đương 8.680.000 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VNH.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán hàng hóa nông - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến. Bán buôn thực phẩm chức năng. Bán buôn chè. Nuôi cá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng hóa nông - lâm sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất hàng hóa thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chi tiết: Sản xuất hàng hóa nông - lâm sản. Chế biến và bảo quản rau quả. Mua bán cá và thủy sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công, lắp đặt thiết bị truyền thông. Thi công, lắp đặt thiết bị điện; Thi công, lắp đặt đường dây tải điện; Thi công, lắp đặt máy biến thế, biến áp; Thi công, lắp đặt đường dây cao thế, cao áp;

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là cho thuê kho, xưởng hoạt động; chế biến, bảo quản thủy sản.

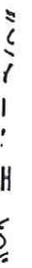
3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại lô A59/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty có hai văn phòng đại diện là Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật tại TP. Hồ Chí Minh tọa lạc tại số 586 Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh và Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật tại An Giang tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

- 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh. Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



TR
K
TT
HVN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Loại tài sản cố định
Máy móc và thiết bị

Số năm
05-10

5. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

10/02
CỔ
TỊCH
ĐƠN
AN
1/15
HX

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

6. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

7. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các thành viên.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

9. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



151
N
CH
T
Đ
T
U

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng đã hoàn thành.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phân ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22074
NG T
PHÂN
U TU
VIỆT N
P.H

07
T
HỮ
ÁP
NH
JA
L.N

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT
 Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Các loại thuế khác

Theo các quy định hiện hành của Việt Nam.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: VND

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	1.802.904	20.291.283
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.335.920	4.523.514
Cộng	10.138.824	24.814.797

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Số dư tại ngày 31/12/2018 và 01/01/2018 là khoản phải thu từ bán hàng cho Oceanica Group International.

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	220.230.000	-	482.230.000	-
Công ty Cổ phần Ntaco	220.230.000	-	482.230.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	343.116.019	310.807.879	310.807.879	310.807.879
Trần Thị Liên	310.807.879	310.807.879	310.807.879	310.807.879
Tạm ứng	32.308.140	-	-	-
Cộng	563.346.019	310.807.879	793.037.879	310.807.879

4. Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Oceanica Group International	11.645.402.650	-	11.645.402.650	-
Trần Thị Liên	310.807.879	-	310.807.879	-
Cộng	11.956.210.529	-	11.956.210.529	-

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là như sau:

	2018	2017
Số đầu năm	11.956.210.529	310.807.879
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Dự phòng bổ sung trong năm	-	11.645.402.650
Số cuối năm	11.956.210.529	11.956.210.529

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	2.972.486.091
Số cuối năm	<u>2.972.486.091</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Chờ thanh lý	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	135.354.052
Số cuối năm	<u>135.354.052</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>2.837.132.039</u>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

6. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty Cổ phần Chí Công	650.000.000	-
DNTN Thương mại Hồng Phú	525.820.000	525.820.000
Công ty TNHH Chế biến Thương mại Dịch vụ Yên Ngân	776.191.662	776.191.662
Các nhà cung cấp khác	928.685.100	850.734.800
Cộng	<u>2.880.696.762</u>	<u>2.152.746.462</u>

7. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản trả trước phí gia công của ông Lê Đăng Khoa.

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT phải nộp	192.500.000	308.583.913	-	501.083.913
Các loại thuế khác	507.365.493	3.000.000	(510.365.493)	-
Cộng	<u>699.865.493</u>	<u>311.583.913</u>	<u>(510.365.493)</u>	<u>501.083.913</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

9. Phải trả người lao động

Là khoản lương phải trả người lao động.

10. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<u>1.579.614.000</u>	-
Ông Nguyễn Thanh Sơn	1.579.614.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>1.667.714.161</u>	<u>1.667.714.161</u>
Kinh phí công đoàn	57.912.799	57.912.799
Bảo hiểm xã hội	173.362	173.362
Bà Nguyễn Thị Tám ⁽¹⁾	<u>1.609.628.000</u>	<u>1.609.628.000</u>
Cộng	<u><u>3.247.328.161</u></u>	<u><u>1.667.714.161</u></u>

- (1) Số tiền phải trả Bà Nguyễn Thị Tám liên quan đến việc ngân hàng thực hiện phát mãi tài sản bảo lãnh của bên thứ ba - Bà Nguyễn Thị Tám - cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng mượn quyền sử dụng đất số 25/11/HĐ-VSC ngày 29 tháng 12 năm 2011.

12. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	<u>300.000.000</u>	-
Cộng	<u><u>300.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Đây là khoản vay ngắn hạn Ông Trần Văn Bình. Số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay trong năm	<u>300.000.000</u>
Số cuối năm	<u><u>300.000.000</u></u>

13. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	80.230.710.000	1.608.854.848	(73.799.959.769)	8.039.605.079
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(12.272.886.398)	(12.272.886.398)
Số cuối năm trước	<u>80.230.710.000</u>	<u>1.608.854.848</u>	<u>(86.072.846.167)</u>	<u>(4.233.281.319)</u>
Số đầu năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	(86.072.846.167)	(4.233.281.319)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(1.262.052.983)	(1.262.052.983)
Số cuối năm nay	<u>80.230.710.000</u>	<u>1.608.854.848</u>	<u>(87.334.899.150)</u>	<u>(5.495.334.302)</u>

Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<u>8.860.000</u>	<u>8.860.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.023.071	8.023.071
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.023.071	8.023.071

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

N:030220
CÔNG
CỔ PH
ĐẦU TƯ
VIỆT VIỆT
TÂN BÌNH

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	174.618.000
Doanh thu cho thuê kho	1.370.000.000	1.732.500.000
Doanh thu gia công	19.620.331.607	-
Cộng	<u>20.990.331.607</u>	<u>1.907.118.000</u>
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	5.841.953.696
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.926.967.610	1.155.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.862.091.652)
Cộng	<u>20.926.967.610</u>	<u>4.134.862.044</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.279.292	42.679
Cộng	<u>27.279.292</u>	<u>42.679</u>
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm.		
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Chi phí cho nhân viên	821.064.000	451.013.058
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.107.090	1.000.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	11.645.402.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	184.056.269	74.320.657
Các chi phí khác	365.135.584	225.384.678
Cộng	<u>1.404.362.943</u>	<u>12.400.121.043</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	2.440.640.000
Hỗ trợ chi phí gia công	109.844.090	-
Thu nhập khác	17.500.000	-
Cộng	<u>127.344.090</u>	<u>2.440.640.000</u>
7. Chi phí khác		
	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Phạt do vi phạm hành chính	60.000.000	-
Xử lý công nợ	-	30.250.000
Chi phí khác	-	55.394.414
Cộng	<u>60.000.000</u>	<u>85.644.414</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	(1.262.052.983)	(12.272.886.398)
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.262.052.983)	(12.272.886.398)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	8.023.071	8.023.071
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(157)	(1.530)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2018 Số lượng	Năm 2017 Số lượng
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.023.071	8.023.071
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tăng trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.023.071	8.023.071

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	577.343.045	1.000.000
Chi phí nhân công	13.136.845.440	451.013.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.354.053	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.781.104.999	74.320.657
Chi phí khác	1.700.683.016	11.873.787.328
Cộng	22.331.330.553	12.400.121.043

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.



020
SỞ
TH
M
M
ET
XU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.138.824	-	10.138.824
Phải thu khách hàng	12.109.312.320	-	12.109.312.320
Phải thu khác	2.137.537.879	-	2.137.537.879
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	11.956.210.529	-	11.956.210.529
Tổng cộng	2.300.778.494	-	2.300.778.494
Ngày 31/12/2018			
Phải trả người bán	4.079.696.762	-	4.079.696.762
Phải trả khác	3.415.591.044	-	3.415.591.044
Tổng cộng	7.495.287.806	-	7.495.287.806
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.194.509.312)	-	(5.194.509.312)
Ngày 01/01/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.814.797	-	24.814.797
Phải thu khách hàng	11.645.402.650	-	11.645.402.650
Phải thu khác	793.037.879	-	793.037.879
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	11.956.210.529	-	11.956.210.529
Tổng cộng	507.044.797	-	507.044.797
Ngày 01/01/2018			
Phải trả người bán	2.152.746.462	-	2.152.746.462
Phải trả khác	1.609.628.000	-	1.609.628.000
Tổng cộng	3.762.374.462	-	3.762.374.462
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.255.329.665)	-	(3.255.329.665)

Hội đồng quản trị cho rằng mức độ rủi ro thanh khoản là cao. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng với các phương án tái cấu trúc hoạt động, thay đổi ngành nghề cùng với việc gia công thì Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

302
CỔN
CỔ P
ĐẦU
VIỆ

51
JG
HỆM
FOR
JIN.
N,
IN-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý		VND
	31/12/2018	Dự phòng	Giá gốc	31/12/2018	01/01/2018	
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.138.824	-	24.814.797	10.138.824	-	24.814.797
Phải thu khách hàng	12.109.312.320	(11.645.402.650)	11.645.402.650	463.909.670	(11.645.402.650)	-
Phải thu khác	2.137.537.879	(310.807.879)	793.037.879	1.826.730.000	(310.807.879)	482.230.000
Tổng cộng	14.256.989.023	(11.956.210.529)	14.132.871.960	2.300.778.494	(11.956.210.529)	507.044.797
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	4.079.696.762	-	2.152.746.462	4.079.696.762	-	2.152.746.462
Phải trả khác	3.415.591.044	-	1.609.628.000	3.415.591.044	-	1.609.628.000
Tổng cộng	7.495.287.806	-	3.762.374.462	7.495.287.806	-	3.762.374.462

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018. Do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên quản lý chủ chốt là: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc		
Ông Nguyễn Thanh Sơn		
Mượn tiền	1.579.614.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
Ông Nguyễn Thanh Sơn		
Phải trả tiền cho mượn	1.579.614.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>1.579.614.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 404.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 192.398.000 VND).

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ntaco	Công ty có cùng quản lý cấp cao

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuê xưởng	2.559.000.000	1.050.000.000


 11/01/2019
 BAN GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT NHẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT VIỆT NHẬT

Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
<i>Công ty Cổ phần Ntaco</i>		
Phải thu tiền cho thuê kho	220.230.000	482.230.000
Cộng nợ phải thu	<u>220.230.000</u>	<u>482.230.000</u>

3. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cho thuê xưởng. Do đó, Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

Bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Hội đồng quản trị quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

5. Thông tin so sánh

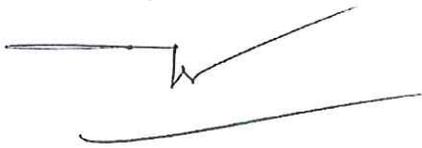
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác

6. Hoạt động liên tục

Trong năm 2018 Công ty tiếp tục lỗ 1.262.052.983 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 khoản lỗ lũy kế được ghi nhận là 87.334.899.150 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn 8.332.466.341 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng



TRẦN MINH TRỌNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THANH SƠN